

**\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Bà Lê Thúy

BV1 – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên. *(Có mặt)*

\* **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:** Bà Thiệu Thị Thanh BV2 – Luật sư, do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên cử. *(Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* **Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Minh ND trình bày:**

Chị khởi kiện anh Hoàng Thế BD – Địa chỉ: Xóm NM, xã VC, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, lý do xin ly hôn.

Chị và anh Hoàng Thế BD lấy nhau và đăng ký kết hôn với nhau năm 2003 tại UBND xã VC, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng F1 – Sinh ngày 23/01/2006 và cháu Hoàng Long F2 – Sinh ngày 19/01/2013.

\* Về tài sản chung: Chị và anh BD có 05 thửa ruộng diện tích khoảng 06 sào đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên hai vợ chồng; 90m<sup>2</sup> đất ở và 260,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên hai vợ chồng; 01 nhà sàn và 01 nhà bếp.

\* Về nợ chung: Anh chị nợ Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện V số tiền 45 triệu đồng hạn trả nợ năm 2025;

- Nợ ông Nguyễn Hồng LQ1 và bà Nông Thị LQ2 – Cùng địa chỉ: Xóm Na Cà, xã VC, huyện V, tỉnh Thái Nguyên số tiền 12 triệu đồng không tính lãi xuất hện Tết âm lịch năm 2021 trả nhưng đến nay chưa trả được.

Ngoài ra anh chị không nợ ai và cho ai vay.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Do anh BD hay uống rượu, cờ bạc, ghen tuông vô cớ, anh BD lại ngoại tình đồng thời thường xuyên chửi bới, hành hạ đầy dọa tinh thần chị, nhiều lần đe dọa và đuổi chị ra khỏi nhà, chị thấy rất hoảng sợ cảm thấy không thể sống chung được nữa, chị đã về bên ngoại sinh sống từ tháng 02/2021, vợ chồng cũng ly thân từ đó, nay anh BD vẫn không sửa chữa nhiều lần đe dọa và xô sát chị, chị đã cố gắng nhưng vợ chồng không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn.

Nay chị yêu cầu được ly hôn anh BD. Về con chung: Chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung, nếu được nuôi con chị không yêu cầu anh BD cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị rút yêu cầu và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

\***Quá trình điều tra bị đơn anh Hoàng Thế BD trình bày:** Anh bị chị Nguyễn Minh ND - Địa chỉ: Xóm NM, xã VC, huyện V, Thái Nguyên khởi kiện lý do xin ly hôn.

Anh và chị ND lấy nhau và đăng ký kết hôn với nhau năm 2003 tại UBND xã VC, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng F1 – Sinh ngày 23/01/2006 và cháu Hoàng Long F2 – Sinh ngày 19/01/2013.

\* Về tài sản chung: Anh và chị NĐ có 05 thửa ruộng diện tích khoảng 06 sào đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên hai vợ chồng; 90m<sup>2</sup> đất ở và 260,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên hai vợ chồng; 01 nhà sàn và 01 nhà bếp.

\* Về nợ chung: Nợ ông Nguyễn Hồng LQ1 và bà Nông Thị LQ2 – Cùng địa chỉ: Na Cà, xã VC, huyện V, tỉnh Thái Nguyên số tiền 12 triệu đồng.

Ngoài ra anh chị không nợ ai và cho ai vay.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Do anh hay uống rượu, chửi bới, chị NĐ cảm thấy không thể sống chung được nữa nên xin ly hôn.

Nay chị NĐ yêu cầu được ly hôn anh, anh cũng biết lỗi lầm của mình mong muốn chị NĐ suy nghĩ lại về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái.

Nếu Tòa án buộc vợ chồng phải ly hôn, về con chung anh có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung, nếu được nuôi con anh yêu cầu chị NĐ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**\* Ông Nguyễn Hồng LQ1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị LQ2 trình bày:** Ông là bố đẻ của chị Nguyễn Thị NĐ, anh Hoàng Thế BĐ là con rể, còn bà Nông Thị LQ2 là vợ ông.

Vợ chồng ông bà có cho anh BĐ và chị NĐ vay số tiền 12 triệu đồng, không tính lãi xuất, không có giấy tờ gì, có hẹn Tết âm lịch năm 2021 trả. Nhưng đến nay chị NĐ anh BĐ chưa trả cho ông bà.

Nay chị NĐ yêu cầu ly hôn anh BĐ, ông đã thay mặt vợ làm đơn yêu cầu và Tòa án đã LQ1 lý. Trường hợp nếu Tòa án cho anh BĐ, chị NĐ ly hôn, vợ chồng ông yêu cầu chị NĐ và anh BĐ trả ông bà số tiền 12.000.000 đồng trên không tính lãi xuất.

**\* Đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện V, ông Đỗ Khánh Duy trình bày:**

Ngày 07/7/2020 gia đình chị Nguyễn Minh NĐ và anh Hoàng Thế BĐ có vay của Ngân hàng số tiền 80.000.000 đồng theo hợp đồng số 8504 – LAV - 202002630, hạn trả cuối cùng ngày 07/7/2025. Đến ngày 12/3/2021 khoản vay còn dư nợ gốc là 45.340.000 đồng. Nay anh BĐ, chị NĐ ly hôn, Ngân hàng yêu cầu chị NĐ, anh BĐ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền gốc 45.340.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Cụ thể mỗi người phải trả Ngân hàng số tiền 22.670.000 đồng và lãi phát sinh.

**\* Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn – bà Lê Thúy Hằng trình bày:** Chị NĐ và anh BĐ kết hôn hoàn toàn hợp pháp, quá trình chung sống anh chị đã có 02 con chung là cháu Hoàng F1 – Sinh ngày 23/01/2006 và cháu Hoàng Long F2 – Sinh ngày 19/01/2013. Về tài sản chung anh chị cũng tạo lập được một số tài sản chung, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị NĐ đã rút yêu cầu chia tài sản chung, anh BĐ không đồng ý ly hôn và không yêu cầu chia tài sản chung. Về nợ chung: Anh chị có nợ Ngân hàng NN và PTNT

Việt Nam – Chi nhánh huyện V số tiền 45.340.000 triệu đồng và nợ ông Nguyễn Hồng LQ1 và bà Nông Thị LQ2 số tiền 12 triệu đồng. Về nguyên nhân ly hôn anh BD đã nhiều lần có hành vi chửi bới, xô sát chị ND, anh chị cũng đã ly thân một thời gian. Do vậy, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện và cho chị ND được ly hôn anh BD.

Về con chung sau khi ly hôn xét nguyện vọng của chị ND và anh BD đều muốn nuôi con sau khi ly hôn. Đồng thời xét nguyện vọng cháu Hoàng F1 muốn ở với bố và cháu Hoàng Long F2 muốn ở với mẹ, do đó cần giao cháu Hoàng F1 cho anh BD và giao cháu Hoàng Long F2 cho chị ND trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục. Về vấn đề cấp dưỡng không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con, vì anh BD và chị ND mỗi người nuôi một con chung sau khi ly hôn, nên quyền và nghĩa vụ là tương đương và đối trừ nhau.

Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Xác định các khoản nợ là nợ chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử chia đôi, anh BD và chị ND mỗi người trả một nửa số nợ Ngân hàng và nợ ông LQ1, bà LQ2.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án LQ1 lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật; các đương sự chấp hành đúng quyền nghĩa vụ của đương sự trong vụ án dân sự, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Minh ND, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoàng Thế BD.

- Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Nguyễn Minh ND được ly hôn anh Hoàng Thế BD.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng F1 – Sinh ngày 23/01/2006 cho anh Hoàng Thế BD trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao cháu Hoàng Long F2 – Sinh ngày 19/01/2013 cho chị Nguyễn Minh ND trực tiếp nuôi dưỡng.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Anh BD và chị ND có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định.

- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Xác định vợ chồng chị ND, anh BD nợ Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện V số tiền 45.340.000 đồng. Xác định trách nhiệm trả nợ sau khi ly hôn, anh BD và chị ND mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng ½ số tiền gốc và lãi phát sinh khi đến hạn.

Buộc anh BĐ, chị NĐ mỗi người phải trả cho ông LQ1, bà LQ2 6.000.000 đồng không tính lãi xuất.

- Về án phí: Anh BĐ, chị NĐ phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn giữa chị Nguyễn Minh NĐ và anh Hoàng Thế BĐ.

[2] Về tư cách chủ thể: Chị Nguyễn Minh NĐ khởi kiện xin ly hôn anh Hoàng Thế BĐ nên chị Nguyễn Minh NĐ là nguyên đơn, anh Hoàng Thế BĐ là bị đơn trong vụ án.

Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện V, ông Nguyễn Hồng LQ1 và bà Nông Thị LQ2 là người cho vợ chồng anh BĐ, chị NĐ vay tiền. Do vậy, Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện V, ông Nguyễn Hồng LQ1 và bà Nông Thị LQ2 là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của chị NĐ:

Chị NĐ và anh BĐ kết hôn năm 2003, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã VC, huyện V nên hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng F1 - sinh ngày 23/01/2006 và cháu Hoàng Long F2 - sinh ngày 19/01/2013.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Theo chị NĐ do anh BĐ hay uống rượu, cờ bạc, ghen tuông vô cớ, anh BĐ lại ngoại tình đồng thời thường xuyên chửi bới, hành hạ đầy dọa tinh thần chị, nhiều lần đe dọa và đuổi chị ra khỏi nhà, chị thấy rất hoảng sợ cảm thấy không thể sống chung được nữa, chị đã về bên ngoại sinh sống từ tháng 02/2021, vợ chồng cũng ly thân từ đó, nay anh BĐ vẫn không sửa chữa lại nhiều lần đe dọa và xô sát chị, chị đã cố gắng nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị xin ly hôn.

Theo anh BĐ cũng xác định hay uống rượu, chửi bới nên chị NĐ cảm thấy không thể sống chung được nữa nên xin ly hôn.

Căn cứ kết quả xác minh ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện V tại địa phương, xác định chị NĐ và anh BĐ có xảy ra mâu thuẫn do anh BĐ hay uống rượu, không tu chí, anh BĐ và chị NĐ đã ly thân hơn 02 tháng nay, chị NĐ đã về bên ngoại sinh sống.

Xét tình trạng hôn nhân của chị NĐ và anh BĐ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu buộc anh chị về chung sống thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị NĐ được ly hôn anh BĐ.

[4] Về con chung:

Vợ chồng chị NĐ, anh BĐ có 02 con chung là cháu Hoàng F1 – Sinh ngày 23/01/2006 và cháu Hoàng Long F2 – Sinh ngày 19/01/2013.

Cả anh BĐ và chị NĐ đều có nguyện vọng nuôi con sau khi ly hôn. Xét nguyện vọng của cháu Hoàng F1 có nguyện vọng ở với bố và cháu Hoàng Long F2 có nguyện vọng ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của các cháu hoàn toàn chính đáng và phải được tôn trọng. Từ những nhận định này để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho các cháu, cần giao cháu Hoàng F1 – Sinh ngày 23/01/2006 cho anh Hoàng Thế BĐ trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Hoàng Long F2 – Sinh ngày 19/01/2013 cho chị Nguyễn Minh NĐ trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con, xét điều kiện nuôi con của anh BĐ và chị NĐ là như nhau, vì giao cho anh BĐ chị NĐ mỗi người nuôi một con chung sau khi ly hôn, vì quyền và nghĩa vụ của hai bên là bình đẳng, công bằng đối với các con, quyền và nghĩa vụ của chị NĐ, anh BĐ là tương đương và đối trừ nhau. Do vậy, không cần thiết phải buộc cấp dưỡng nuôi con giữa hai bên.

Anh BĐ và chị NĐ có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định.

[5] Về tài sản chung:

Anh BĐ và chị NĐ có một số tài sản chung, như nhà cửa, đất đai.

Quá trình LQ1 lý giải quyết nguyên đơn chị NĐ có yêu cầu chia tài sản. Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2021 anh BĐ cũng có ý kiến nếu phải ly hôn anh yêu cầu chia tài sản theo quy định.

Ngày 02/4/2021 Tòa án nhân dân huyện V tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản chung của chị NĐ và anh BĐ, anh BĐ có ý kiến không đồng ý ly hôn, không đồng ý và không yêu cầu Tòa án chia tài sản.

Ngày 06/4/2021 Tòa án nhân dân huyện V nhận được đơn ghi ngày 05/4/2021 của chị Nguyễn Minh NĐ nội dung rút yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án ly hôn. Cùng ngày Tòa án tiến hành làm việc với chị NĐ xác định chính xác việc rút yêu cầu này.

Do bị đơn không đồng ý ly hôn, không yêu cầu chia tài sản, nguyên đơn rút yêu cầu, nên yêu cầu chia tài sản đình chỉ giải quyết. Đương sự có quyền khởi kiện chia tài sản bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với khoản nợ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện V và khoản nợ ông Nguyễn Hồng LQ1, bà Nông Thị LQ2.

Đối với khoản nợ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện V. Theo chị NĐ đây là khoản nợ chung của vợ chồng, anh BĐ xác định không phải nợ chung.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 8504LAV202001630 của Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện V, Giấy ủy quyền ngày 28/5/2020 giữa anh Hoàng Thế BĐ và chị Nguyễn Minh NĐ xác định ngày 07/7/2020 anh BĐ và chị NĐ có vay của Ngân hàng số tiền 80.000.000 đồng hạn trả cuối cùng là ngày 07/7/2025. Tính đến ngày 12/3/2020 dư nợ là 45.340.000 đồng.

Từ những căn cứ này, xác định vợ chồng anh BĐ và chị NĐ nợ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện V số tiền 45.340.000 đồng

nhưng chưa đến hạn trả. Do chưa đến hạn nên Ngân hàng chưa có yêu cầu độc lập về việc trả nợ. Xét đây là khoản nợ chung của vợ chồng, nên anh BĐ và chị NĐ đều có trách nhiệm như nhau đối với khoản nợ này. Vì khoản nợ chưa đến hạn và không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Tại phiên tòa Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện V yêu cầu xác định trách nhiệm trả nợ của chị NĐ, anh BĐ đối với số tiền đã vay khi đến hạn. Từ những nhận định này, xác định nợ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện V là nợ chung, vợ chồng chị NĐ, anh BĐ có trách nhiệm liên đới trả nợ, cụ thể mỗi người trả một nửa gốc là 22.670.000 đồng và lãi phát sinh khi đến hạn theo Hợp đồng tín dụng.

Đối với khoản nợ ông Nguyễn Hồng LQ1, bà Nông Thị LQ2 số tiền 12.000.000 đồng không tính lãi xuất. Tại biên bản lấy lời khai anh BĐ, chị NĐ cũng như biên bản về việc xác lập tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, anh BĐ và chị NĐ đều cùng xác nhận có vay và có nợ ông LQ1 và bà LQ2 số tiền 12.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Hồng LQ1 đã có đơn yêu cầu độc lập được Tòa án LQ1 lý. Mặc dù ngày 08/3/2021 anh BĐ có đơn trình bày không biết khoản nợ này. Tuy nhiên căn cứ lời khai của các đương sự, kết quả xác lập tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân xác định chị NĐ, anh BĐ có nợ ông Nguyễn Hồng LQ1 và bà Nông Thị LQ2 số tiền 12.000.000 đồng không có lãi xuất, hạn trả nợ là Tết âm lịch năm 2021. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu độc lập của ông LQ1, buộc anh BĐ chị NĐ mỗi người phải trả cho ông LQ1, bà LQ2 số tiền 6.000.000 đồng không tính lãi xuất.

[7] Về án phí và chi phí tố tụng:

\* Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Chị Nguyễn Minh NĐ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí đối với số tiền phải trả ông LQ1, bà LQ2. Tổng cộng chị NĐ phải chịu 600.000 đồng án phí. Vì chị NĐ đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí chia tài sản, nhưng do chị NĐ rút yêu cầu chia tài sản, đáng nhẽ tiền tạm ứng án phí chi tài sản phải trả cho chị NĐ nhưng chị NĐ lại phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả người có quyền và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Nên số tiền án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị NĐ đã nộp là phù hợp.

Anh BĐ phải chịu 300.000 đồng án phí đối với số tiền phải trả ông LQ1.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông LQ1 đã nộp đối với yêu cầu độc lập của mình, do Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông LQ1 nên tiền tạm ứng án phí phải trả cho ông LQ1.

\* Về chi phí tố tụng: Áp dụng Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Do yêu cầu chia tài sản chị Nguyễn Minh NĐ đình chỉ giải quyết, nên toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá chị NĐ phải chịu.

[8] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tại phiên tòa là phù hợp.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 157; 165; 217; 227; 228; 244 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56; 60; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 463; 466; 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ vợ chồng:** Cho chị Nguyễn Minh NĐ được ly hôn anh Hoàng Thế BĐ.

### **2. Về con chung:**

Giao cháu Hoàng F1 – Sinh ngày 23/01/2006 cho anh Hoàng Thế BĐ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Hoàng Long F2 – Sinh ngày 19/01/2013 cho chị Nguyễn Minh NĐ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị NĐ và anh BĐ không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị NĐ và anh BĐ có quyền và nghĩa vụ đối với con chung mà không bị ai cản trở.

**3. Về tài sản chung:** Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Minh NĐ. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

**4. Về nợ chung:** Anh Hoàng Thế BĐ và chị Nguyễn Minh NĐ nợ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện V số tiền 45.340.000 đồng hạn trả cuối cùng là ngày 07/7/2025. Chị NĐ, anh BĐ có trách nhiệm liên đới trả nợ, cụ thể mỗi người trả một nửa gốc là 22.670.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Buộc anh Hoàng Thế BĐ trả cho ông Nguyễn Hồng LQ1, bà Nông Thị LQ2 số tiền 6.000.000 đồng không tính lãi xuất.

Buộc chị Nguyễn Minh NĐ trả cho ông Nguyễn Hồng LQ1, bà Nông Thị LQ2 số tiền 6.000.000 đồng không tính lãi xuất.

### **5. Về án phí và chi phí tố tụng:**

**5.1. Về án phí:** Chị Nguyễn Minh NĐ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng chị NĐ phải chịu 600.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí chị NĐ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Võ Nhai theo biên lai số 0007847 ngày 23 tháng 02 năm 2021.

Anh Hoàng Thế BĐ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.



Trả cho ông Nguyễn Hồng LQ1 300.000 đồng tạm ứng án phí, ông LQ1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự V theo biên lai số 0007859 ngày 02 tháng 3 năm 2021.

**5.2. Về chi phí tố tụng:** Căn cứ Điều 157 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Minh ND phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản, tổng cộng là 5.000.000 đồng. Khấu trừ hết vào số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng chị ND đã nộp.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự, đương sự còn phải chịu lãi xuất đối với khoản tiền chậm thi hành án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, có mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng LQ1, Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện V và đại diện theo ủy quyền của bà Nông Thị LQ2. Vắng mặt bị đơn anh Hoàng Thế BĐ. Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện V;
- UBND xã VC;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Kim Tuấn**